

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2025

VĂN BẢN CÔNG KHAI

Nội dung và hình thức dự kiến quảng cáo thiết bị y tế

Kính gửi: Cục Hạ tầng và Thiết bị y tế - Bộ Y tế

1. Tên cơ sở công khai: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TÍN NHA

Mã số thuế: 0311610897

Địa chỉ: Số 33 đường số 55, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0906928369

Fax:

Email: pd3@tinnha.vn

Website:

2. Người đại diện hợp pháp của cơ sở:

Họ và tên: NGUYỄN HUY THOA

Số căn cước/Hộ chiếu: 052187000328 ngày cấp: 29/12/2017 nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG về Dân cư

Điện thoại cố định: 028 3515 1012 Điện thoại di động: 0906928369

3. Thông tin về thiết bị y tế dự kiến quảng cáo:

- Tên thiết bị y tế: Bộ dụng cụ hỗ trợ chuẩn đoán, phẫu thuật nha khoa

- Chung loại: Theo phụ lục

- Mã sản phẩm (nếu có): Theo phụ lục

- Hãng sản xuất: Theo phụ lục

- Nước sản xuất: Theo phụ lục

- Số lưu hành: 220002884/PCBB-HCM

- Tính năng, tác dụng: Thiết bị y tế nha khoa hỗ trợ trong việc cấy ghép vào xương hàm trên hoặc dưới để hỗ trợ cho bộ phận phục hình như phục hình răng, phục hồi chức năng ăn nhai của bệnh nhân mất răng một phần hoặc toàn bộ. Các dụng cụ hỗ trợ trong việc thay thế chân răng của người bệnh.

- Tên, địa chỉ của chủ sở hữu số lưu hành thiết bị y tế: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TÍN NHA, Số 33 đường số 55, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Cảnh báo liên quan đến sức khỏe người sử dụng, điều kiện bảo quản (nếu có):

Chúng tôi công khai nội dung và hình thức dự kiến quảng cáo đối với thiết bị y tế như sau:

Nội dung dự kiến quảng cáo:

Thành phần, tính năng, công dụng, hướng dẫn sử dụng

Hình thức dự kiến quảng cáo:

Không phải báo nói báo hình, Hội thảo

Hội thảo, bài đăng trên mạng xã hội facebook, zalo, website, email, tờ rơi, banner, catalogue, standee...

Cơ sở cam kết:

1. Nội dung thông tin công khai là chính xác, hợp pháp và theo đúng quy định. Nếu có sự giả mạo, không đúng sự thật cơ sở xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
2. Bảo đảm nội dung quảng cáo phù hợp với bản nội dung dự kiến quảng cáo đã công khai và hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B hoặc hồ sơ đăng ký lưu hành đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D.

Người đại diện hợp pháp của cơ sở

PHỤ LỤC: BẢNG KÊ CHI TIẾT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	CHUNG LOẠI	MÃ SẢN PHẨM (Nếu có)	QUY CÁCH ĐÓNG GÓI (Nếu có)	TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ CƠ SỞ SẢN XUẤT	NƯỚC SẢN XUẤT
1	Vòng đệm cao su dùng trong nha khoa	MBR10; MBR5			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
2	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	STDD39; STDD43; STDD48; STDD53; MGD100L; TEEL200M			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
3	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	SD2018L; SD2018M; SD2018S; SD2818L; SD2818M; SD2818S			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
4	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	SD3318L; SD3318M; SD3318S; SD3618L; SD3618M; SD3618S			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
5	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	SD4218L; SD4218M; SD4218S; SD4818L; SD4818M; SD4818S			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
6	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	SD2007M; SD2008M; SD2010M; SD2011M; SD2807M; SD2808M			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
7	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	SD2810M; SD2811M; SD3307M; SD3308M; SD3310M; SD3311M			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
8	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	SD3607M; SD3608M; SD3610M; SD3611M; SD4207M; SD4208M			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
9	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	SD4210M; SD4211M; SD4807M; SD4808M; SD4810M; SD4811M			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
10	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	MDE150			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
11	Dụng cụ vặn, tháo lắp dùng trong nha khoa	STHCL21; STHCL25; STHCS21; STHCS25; STHCS36M			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
12	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	FD5020; FD6020			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
13	Bộ phẫu thuật	KSTIN3000			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
14	Vòng đệm cao su dùng trong nha khoa	MBR			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
15	Bộ phẫu thuật	KAOBP3000; KAOIN3003; KAGIN3001; KAOPK3000			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF

16	Bộ cố định màng	TCMACP2015; TCMACP2018; TCMACP2020			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
17	Dụng cụ vắn, tháo lắp dùng trong nha khoa	AGHA; HCL17; HCL25; HCS17; HCS25; HCU25			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
18	Dụng cụ vắn, tháo lắp dùng trong nha khoa	MTHC200L; MTHC200S; MTHC200U			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
19	Dụng cụ vắn, tháo lắp dùng trong nha khoa	TBH250L; TBH250S; TBR250S; TBR250L			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
20	Dụng cụ đầu vắn chân răng nhân tạo	ICRH2518; ICRH2518H; ICRH2523; ICRH2523H; ICWH2523; ICWH2523H			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
21	Dụng cụ vắn, tháo lắp dùng trong nha khoa	MLMT, RCL17; RCL25; RCS17; RCS25; RCU25; TANRD			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
22	Dụng cụ lấy dấu dùng trong cấy chân răng nhân tạo	MVD100			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
23	Bộ Mũi khoan giới hạn mức khoan dùng trong nha khoa	KAOSS3000			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
24	Mũi khoan dùng trong nha khoa	AGBP40; AGBP50; AGBP60; AOBP40G; AOBP50G; AOBP60G			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
25	Mũi khoan dùng trong nha khoa	AOBP70G; TCMBDL33; TCMBDL38; TCMBDL48;			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
26	Mũi khoan dùng trong nha khoa	TCMBDL58; TCMBDL68; TCMBDS33; TCMBDS38			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
27	Mũi khoan dùng trong nha khoa	TCMBDS48; TCMBDS52; TCMBDS58			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
28	Mũi khoan dùng trong nha khoa	AODD39; AODD43; AODD48; AODD53; AODD63			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
29	Mũi khoan dùng trong nha khoa	DD39; DD43; DD48; DD53; DD63; DD73			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
30	Mũi khoan dùng trong nha khoa	THT160L; THT200L; ID1818L; ID1818M;			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
31	Mũi khoan dùng trong nha khoa	ID1818S; R2ID2601; NCD402; R2SD2505			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
32	Mũi khoan mở rộng xương dùng trong nha khoa	SD2518L; SD2518M; SD2518S; SD5818L; SD5818M; SD5818S			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
33	Mũi khoan mở rộng xương dùng trong nha khoa	SD6918L; SD6918M; SD6918S;			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF

34	Mũi khoan giới hạn mức khoan dùng trong nha khoa	AGSD2007; AGSD2008; AGSD2010; AGSD2011; AGSD2013; AGSD2507			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
35	Mũi khoan giới hạn mức khoan dùng trong nha khoa	AGSD2508; AGSD2510; AGSD2511; AGSD2513; AGSD2807; AGSD2808			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
36	Mũi khoan giới hạn mức khoan dùng trong nha khoa	AGSD2810; AGSD2811; AGSD2813; AOSD3307; AOSD3308; AOSD3310			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
37	Mũi khoan giới hạn mức khoan dùng trong nha khoa	AOSD3311; AOSD3313; AOSD3607; AOSD3608; AOSD3610; AOSD3611			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
38	Mũi khoan giới hạn mức khoan dùng trong nha khoa	AOSD3613; AOSD4207; AOSD4208; AOSD4210; AOSD4211; AOSD4213			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
39	Mũi khoan giới hạn mức khoan dùng trong nha khoa	AOSD4807; AOSD4808; AOSD4810; AOSD4811; AOSD4813; AOSD5807			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
40	Mũi khoan giới hạn mức khoan dùng trong nha khoa	AOSD5808; AOSD5810; AOSD5811; AOSD5813			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
41	Mũi khoan giới hạn mức khoan dùng trong nha khoa	SD5807M; SD5808M; SD5810M; SD5811M;			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
42	Mũi khoan giới hạn mức khoan dùng trong nha khoa	SD6907M; SD6908M; SD6910M; SD6911M			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
43	Mũi khoan dùng trong nha khoa	TD35; TD40; TD45; TD50; TD60; TD70			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
44	Dụng cụ vắn, tháo lắp dùng trong nha khoa	TCMTPM0304; TCMTPM0405; TCMTPM0506;			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
45	Dụng cụ vắn, tháo lắp dùng trong nha khoa	TCMTPM0607; TCMTPM0708			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
46	Dụng cụ vắn, tháo lắp dùng trong nha khoa	TANTBE2535; TANTBE4050; TANTBE5060; TANTBE6070			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
47	Dụng cụ vắn, tháo lắp dùng trong nha khoa	TANTBL2535; TANTBL4050; TANTBL5060; TANTBL6070			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
48	Dụng cụ dùng trong nha khoa	EZSP22K			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
49	Mũi khoan dùng trong nha khoa	TCMBDS68			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
50	Dụng cụ dùng trong nha khoa	EZSP21K			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
51	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	MID120L; MID120S;			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
52	Dụng cụ vắn, tháo lắp dùng trong nha	MUARD20			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup,	KOREA, REPUBLIC OF

	khoa					Dalseong-gun, Daegu	
53	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	MDR120EL; MDR120L; MDR120S; MDR120SS			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
54	Dụng cụ tháo, nắp dùng trong nha khoa	MURAD10			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
55	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	TANSDL400; TANSDL500; TANSDL600; TANSDL700			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
56	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	TANSDDS400; TANSDDS500; TANSDDS600; TANSDDS700			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
57	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	R2CD3405; R2CD3805; R2CD4305; R2CD4805			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
58	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	R2CD5305; R2CD5805; R2CD6305			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
59	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	TANCDL3500; TANCDL4055; TANCDL6080			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
60	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	THT180L			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
61	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	TANSDF3318; TANSDF3818; TANSDF4318; TANSDF4815			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
62	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	TANSDF5415; TANSDF5915; TANTDF2018			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
63	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	SPTB4050			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
64	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	ARSD3307; ARSD3308; ARSD3310; ARSD3311; ARSD3313; ARSD3807			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
65	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	ARSD3808; ARSD3810; ARSD3811; ARSD3813; ARSD4307; ARSD4308			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
66	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	ARSD4310; ARSD4311; ARSD4313; ARSD4807; ARSD4808; ARSD4810			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
67	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	ARSD4811; ARSD4813; ARSD5407; ARSD5408; ARSD5410; ARSD5411			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
68	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	ARSD5413; ARSD5907; ARSD5908; ARSD5910; ARSD5911; ARSD5913			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
69	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	TANSDF3307; TANSDF3308; TANSDF3310; TANSDF3311			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
70	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	TANSDF4807; TANSDF4808; TANSDF4810; TANSDF4811			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF

71	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	TANTDF2007; TANTDF2008; TANTDF2010; TANTDF2011			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
72	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	MS2005M; MS2505M; MS2805M; MS3305M;			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
73	Mũi khoan phẫu thuật dùng trong nha khoa	MS3805M; MS4305M; MS4805M; MS4505M			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
74	Dụng cụ vặn, tháo lắp dùng trong nha khoa	TANBPL40; TANBPL50; TANBPS60; TANBPS70			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
75	Dụng cụ vặn, tháo lắp dùng trong nha khoa	TANHCL; TANHCS; TANHCU			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
76	Dụng cụ vặn, tháo lắp dùng trong nha khoa	ICRH2324; ICRH2324H; ICWH2324; ICWH2324H			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
77	Dụng cụ vặn, tháo lắp dùng trong nha khoa	TANREL; TANRES; TANREU			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
78	Pin hướng dẫn	TANPFF3580			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
79	Mũi khoan giới hạn mức khoan dùng trong nha khoa	TANSDF3807; TANSDF3808; TANSDF3810; TANSDF3811			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
80	Mũi khoan giới hạn mức khoan dùng trong nha khoa	TANSDF4307; TANSDF4308; TANSDF4310; TANSDF4311			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
81	Bộ phẫu thuật	KARIN3001; KARIN3003; KAGIN3000; KANPK3000			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
82	Mũi khoan định hình	LD1618S; LD1618M; LD1618L			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
83	Mũi khoan mở rộng xương dùng trong nha khoa	NSD1818S; NSD1818M; NSD1818L; NSD2018S; NSD2018M; NSD2018L			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
84	Mũi khoan mở rộng xương dùng trong nha khoa	NSD2518S; NSD2518M; NSD2518L; NSD2818S; NSD2818M; NSD2818L			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
85	Dụng cụ vặn, tháo lắp dùng trong nha khoa	AIHCS; AIHCL; AIRCS; AIRCL; ORCS			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF
86	Mũi khoan dùng trong nha khoa	OHCS			MegaGen Implant Co., Ltd	45, Secheon-ro-7-gil, Dasa-eup, Dalseong-gun, Daegu	KOREA, REPUBLIC OF